

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Giang Quốc Dũng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Điện thoại: (0274).2220399

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kèm công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

Công bố thông tin này được cập nhật trên Website Công ty ngày 25/03/2021 tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/Home/BaoCaoTaiChinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



Giang Quốc Dũng



Số: 66/CV-VNTT
V/v giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm
34% so với lợi nhuận sau thuế năm 2019 của
công ty đại chúng

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Mã chứng khoán: TTN
Địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, khu công nghiệp Việt Nam –
Singapore II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 2220 222
Fax: 0274 3635 200

- Căn cứ: Thông tư 96/2020/FT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam xin giải trình nguyên nhân về việc lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 34% so với năm 2019 như sau:

- **Lãi sau thuế năm 2019: 72.963.128.794 đồng**
- **Lãi sau thuế năm 2020: 48.153.175.726 đồng**

Nguyên nhân:

- Yếu tố làm tăng lợi nhuận sau thuế so với năm 2019:
 - Năm 2020 Công ty có ghi nhận phát sinh khoản doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản 61 tỷ, trong khi cùng kỳ năm trước không phát sinh.
 - Bên cạnh đó, năm 2020 doanh thu dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin tăng trưởng khá tốt, tăng 15,79% (từ 152 tỷ lên 176 tỷ) so với cùng kỳ năm trước.
- Yếu tố làm giảm lợi nhuận sau thuế so với năm 2019:
 - Trong năm 2019 Công ty có ghi nhận khoản thu nhập khác 68,88 tỷ từ thỏa thuận chuyển nhượng phần tài sản Công ty đã đầu tư của 5.861 thuê bao FTTH với đối tác Nhật Bản NTT để đưa vào hợp tác kinh doanh phân chia doanh thu, trong khi năm nay không phát sinh.
 - Ngoài ra, Trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 3,8 tỷ trong khi cùng kỳ năm trước hoàn nhập 7,8 tỷ.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam giải trình về việc lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm so với năm 2019

Trân trọng !

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM



Giang Quốc Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201

Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam – Trung tâm phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Dịch vụ viễn thông;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm;
- Mua bán các sản phẩm phần mềm;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
Bà Võ Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Thanh Hưng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2009
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Duy Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Giang Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Giang Quốc Dũng
Giang Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0439/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.464.464.871	469.225.327.032
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.407.864.584	38.415.028.456
1. Tiền	111		11.407.864.584	38.415.028.456
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.200.735.900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	24.019.900.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(3.819.164.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.417.298.339	241.115.104.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.351.295.104	104.757.285.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.494.296.159	7.229.143.137
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	13.622.774.643	132.736.613.966
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.051.067.567)	(3.607.938.942)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		141.909.586.324	166.241.115.394
1. Hàng tồn kho	141	V.8	141.909.586.324	166.241.115.394
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		729.715.624	3.253.343.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	582.888.069	910.158.335
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.273.879.651
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	146.827.555	69.305.293
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.549.863.067	204.080.603.703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81.672.386	75.018.631
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	81.672.386	75.018.631
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		157.215.523.402	150.711.456.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	150.959.078.804	146.440.922.687
- Nguyên giá	222		280.551.361.742	247.143.658.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.592.282.938)	(100.702.735.366)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.256.444.598	4.270.533.643
- Nguyên giá	228		14.399.700.882	12.077.973.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.143.256.284)	(7.807.439.966)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.852.784.194	10.263.169.162
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.852.784.194	10.263.169.162
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.399.883.085	13.030.959.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.399.883.085	13.030.959.580
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		486.014.327.938	673.305.930.735

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		165.287.220.360	371.070.427.865
I. Nợ ngắn hạn	310		146.823.946.839	366.482.285.933
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	37.759.102.748	100.940.091.720
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	16.087.826.411	4.775.569.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.543.617.013	7.360.426.310
4. Phải trả người lao động	314	V.16	5.146.597.987	3.562.269.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	7.672.979.582	11.160.680.660
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	11.382.878.908	9.299.308.969
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	7.382.191.857	159.609.276.079
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	49.744.031.988	67.607.888.764
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	1.836.131.940	2.166.774.666
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.268.588.405	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.463.273.521	4.588.141.932
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	756.000.000	513.777.781
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b,c	4.386.060.677	3.217.322.568
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	12.676.271.500	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	644.941.344	857.041.583
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.727.107.578	302.235.502.870
I. Vốn chủ sở hữu	410		320.727.107.578	302.235.502.870
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	244.850.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.850.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	23.814.527.751	1.925.589.113
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	51.623.294.767	55.020.628.697
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.470.119.041	55.020.628.697
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		48.153.175.726	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		486.014.327.938	673.305.930.735

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Xuân Hạnh
 Người lập


 Nguyễn Văn Phúc
 Kế toán trưởng


 Giang Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

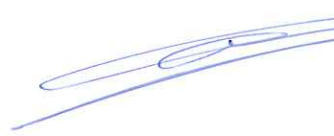
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	315.133.358.483	253.299.422.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		315.133.358.483	253.299.422.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234.032.950.655	212.082.651.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.100.407.828	41.216.770.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.845.989.535	6.132.385.612
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.553.238.176	(2.547.417.473)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.308.845.704	5.199.935.575
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.147.362.841	9.006.733.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.177.266.960	20.310.804.622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.068.529.386	20.579.035.602
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.540.644.084	72.489.950.231
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.444.692	530.243.086
13. Lợi nhuận khác	40		7.539.199.392	71.959.707.145
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.607.728.778	92.538.742.747
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12.454.553.052	19.575.613.953
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>48.153.175.726</u>	<u>72.963.128.794</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.827</u>	<u>2.771</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1.827</u>	<u>2.771</u>



Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Xuân Hạnh
Người lập


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng


Giang Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.607.728.778	92.538.742.747
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	29.299.989.420	21.833.424.849
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	(3.918.778.440)	(7.728.845.371)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	115.527	637.772
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.694.757.350)	(4.067.149.300)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.308.845.704	5.199.935.575
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.603.143.639	107.776.746.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		142.505.558.755	(108.870.105.136)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.331.529.070	(115.921.559.049)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(199.810.812.056)	200.268.557.835
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.544.093.506	(663.478.611)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	24.019.900.000	24.980.100.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; VI.4	(5.427.701.393)	(5.222.296.433)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(14.137.613.952)	(22.317.442.065)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22; V.23	(3.838.830.613)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.789.266.956	80.030.522.813
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12; VII	(35.682.970.293)	(19.543.369.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	372.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(80.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	30.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	30.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.3	3.633.579.268	3.913.685.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.049.391.025)	(45.256.957.104)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

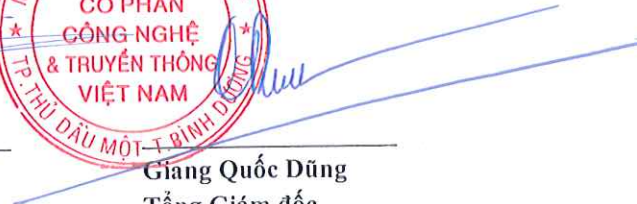
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	112.299.560.595	181.447.845.926
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(117.487.145.871)	(176.517.026.186)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a; V.23	(27.559.339.000)	(4.779.205.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(32.746.924.276)</i>	<i>151.614.740</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(27.007.048.345)	34.925.180.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.415.028.456	3.490.485.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(115.527)	(637.772)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>11.407.864.584</u>	<u>38.415.028.456</u>

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Xuân Hạnh
Người lập


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng


Giang Quốc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử; công trình điện lạnh; công trình cấp thoát nước; công trình phòng cháy chữa cháy; Đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng và dân dụng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cho Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore. Ngoài ra, Công ty mở rộng thêm hoạt động bán hàng hóa bất động sản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng lên đáng kể so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam – Trung tâm phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 315 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	573.496.729	969.190.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.834.367.855	37.445.838.192
Cộng	11.407.864.584	38.415.028.456

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Số đầu năm là khoản đầu tư Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương. Trong năm Công ty đã bán toàn bộ 2.401.990 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.819.164.100	-
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	11.613.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.819.164.100)	(7.793.835.900)
Số cuối năm	-	3.819.164.100

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Số đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định với số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng quản trị.

Ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cho bên nhận chuyển nhượng là Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore với giá trị chuyển nhượng là 30.000.000.000 VND. Hợp đồng chuyển nhượng này đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quyền sở hữu cổ phần nói trên của Công ty cho Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore kể từ ngày hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần và tên của Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore được ghi nhận vào sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, việc chuyển nhượng này đã hoàn tất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	11.613.000.000
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	(11.613.000.000)
Số cuối năm	-	-

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Becamex Bình Định là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn	-	30.000.000.000
Chuyển tiền hộ Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore theo thỏa thuận	-	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>61.666.665.598</i>	<i>73.453.091.231</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	20.710.668.426	26.326.627.317
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	17.250.507.780	868.894.400
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	6.936.861.700	2.898.120.501
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	6.770.615.066	19.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	3.728.242.256	30.833.986.826
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	2.057.602.664	1.368.171.552
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.595.726.043	5.304.656.319
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.497.980.637	2.166.449.851
Công ty TNHH Becamex Tokyu	729.085.479	894.329.533
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	207.868.898	35.096.247
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	112.021.348	2.509.895.166
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	31.575.500	197.516.848
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	28.749.001	22.917.068
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	7.510.800	4.979.603
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.650.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>23.684.629.506</i>	<i>31.304.194.611</i>
Cộng	<u>85.351.295.104</u>	<u>104.757.285.842</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bru điện	2.596.723.593	2.596.723.593
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	753.594.930	-
Công ty Điện lực Bình Dương	712.356.110	688.368.024
Công ty TNHH Máy tính Nét	-	3.027.581.940
Các nhà cung cấp khác	1.431.621.526	916.469.580
Cộng	<u>5.494.296.159</u>	<u>7.229.143.137</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (là bên liên quan) vay với lãi suất 7,7%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.102.525.218	-	125.215.591.099	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Doanh thu trích trước	564.988.608	-	4.739.232.571	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Lãi dự thu	61.178.082	-	-	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Ký quỹ ngắn hạn	12.000.000	-	12.000.000	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định – Chuyển tiền hộ Công ty TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore theo thỏa thuận	-	-	120.000.000.000	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	12.520.249.425	-	7.521.022.867	-
Tạm ứng	8.980.771.124	-	6.951.196.824	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	188.535.067	-	194.070.906	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.350.943.234	-	375.755.137	-
Cộng	13.622.774.643	-	132.736.613.966	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	18.625.000	-	1.000.000	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	17.625.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	63.047.386	-	74.018.631	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	63.047.386	-	74.018.631	-
Cộng	81.672.386	-	75.018.631	-

7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	110.794.109	77.555.876	112.942.569	79.059.798
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	94.814.448	47.407.224	96.314.701	48.157.351
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	180.473.895	54.142.169	78.564.789	23.569.437
<i>Trên 12 tháng</i>	792.823.599	-	458.825.911	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	66.526.539	46.568.577	182.915.826	128.041.078

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	131.944.785	65.972.393	186.146.349	93.073.175
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	164.447.025	49.334.107	69.105.462	20.731.638
Trên 03 năm	276.344.011	-	231.359.916	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
Trên 03 năm	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền trả trước phải thu của các nhà cung cấp				
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	1.653.974	826.987	1.364.000	682.000
Từ trên 02 đến dưới 03 năm	4.829.000	1.448.700	3.694.400	1.108.320
Trên 03 năm	260.221.305	-	271.676.906	-
Cộng	4.394.323.600	343.256.033	4.002.361.739	394.422.797

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.607.938.942	2.905.123.778
Trích lập dự phòng bổ sung	443.128.625	702.815.164
Số cuối năm	4.051.067.567	3.607.938.942

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.516.759.579	-	26.331.130.508	-
Công cụ, dụng cụ	255.070.807	-	62.549.925	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.223.019.199	-	30.137.520.132	-
Hàng hóa	64.914.736.739	-	109.709.914.829	-
Cộng	141.909.586.324	-	166.241.115.394	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	332.427.348	633.979.030
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.460.721	276.179.305
Cộng	582.888.069	910.158.335

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.695.769.701	2.748.831.885
Chi phí thuê đất	7.232.209.934	7.432.243.550
Vật tư, thiết bị khảo sát	62.464.211	69.051.427
Chi phí xây dựng, sửa chữa	1.721.262.608	2.595.377.179
Các chi phí trả trước dài hạn khác	688.176.631	185.455.539
Cộng	11.399.883.085	13.030.959.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.947.930.894	179.644.565.184	49.863.744.783	985.790.192	701.627.000	247.143.658.053
Mua trong năm	-	8.483.744.815	-	20.329.090	-	8.504.073.905
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	731.945.935	17.398.116.690	4.484.326.729	116.954.593	59.323.740	22.790.667.687
Kết chuyển từ chi phí trả trước	-	-	2.773.334.372	-	-	2.773.334.372
Xử lý các tài sản đã hết sử dụng	-	(660.372.275)	-	-	-	(660.372.275)
Số cuối năm	16.679.876.829	204.866.054.414	57.121.405.884	1.123.073.875	760.950.740	280.551.361.742
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.151.055.132	12.967.959.322	5.133.918.670	600.269.837	66.000.000	19.919.202.961
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.736.905.056	74.911.552.492	20.071.219.861	662.465.430	320.592.527	100.702.735.366
Khấu hao trong năm	946.922.057	22.167.673.433	5.605.740.274	107.781.487	136.055.851	28.964.173.102
Kết chuyển từ chi phí trả trước	-	-	585.746.745	-	-	585.746.745
Xử lý các tài sản đã hết sử dụng	-	(660.372.275)	-	-	-	(660.372.275)
Số cuối năm	5.683.827.113	96.418.853.650	26.262.706.880	770.246.917	456.648.378	129.592.282.938
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.211.025.838	104.733.012.692	29.792.524.922	323.324.762	381.034.473	146.440.922.687
Số cuối năm	10.996.049.716	108.447.200.764	30.858.699.004	352.826.958	304.302.362	150.959.078.804
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 119.709.248.858 VND và 58.849.456.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.889.485.692	8.188.487.917	12.077.973.609
Mua trong năm	-	2.321.727.273	2.321.727.273
Số cuối năm	3.889.485.692	10.510.215.190	14.399.700.882
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.518.362.917	7.518.362.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.807.439.966	7.807.439.966
Khấu hao trong năm	-	335.816.318	335.816.318
Số cuối năm	-	8.143.256.284	8.143.256.284
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.889.485.692	381.047.951	4.270.533.643
Số cuối năm	3.889.485.692	2.366.958.906	6.256.444.598
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	10.825.801.178	(10.825.801.178)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	10.263.169.162	27.892.198.235	(22.790.667.687)	(2.511.915.516)	12.852.784.194
<i>Hạng mục nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông tại KCN VSIP Hải Phòng giai đoạn 1</i>	4.613.703.458	140.056.000	(4.673.428.121)	(80.331.337)	-
<i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K,J,L,I,H,G Mỹ Phước 3</i>	1.493.292.983	888.850.190	(988.570.926)	(281.477.785)	1.112.094.462
<i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4</i>	996.853.758	152.317.000	(149.889.204)	(127.135.537)	872.146.017
<i>Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3</i>	151.159.891	1.732.411.471	(849.526.195)	(1.732.000)	1.032.313.167
<i>Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng</i>	55.759.540	2.100.477.483	(321.530.656)	(46.117.802)	1.788.588.565
<i>Hạng mục đầu tư hệ thống Core router và Core Firewall</i>	-	13.032.547.417	(13.032.547.417)	-	-
<i>Các công trình khác</i>	2.952.399.532	9.845.538.674	(2.775.175.168)	(1.975.121.055)	8.047.641.983
Cộng	10.263.169.162	38.717.999.413	(33.616.468.865)	(2.511.915.516)	12.852.784.194

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.977.967.323	60.920.410.599
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.942.857.999	57.879.307.014
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	2.987.462.427	2.987.605.524
Công ty TNHH MTV Thương Mại Becamex	29.994.013	27.520.188
Công ty TNHH Becamex Tokyu	17.652.884	4.979.553
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	4.987.290
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	16.011.030
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	28.781.135.425	40.019.681.121
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	8.213.082.559	8.570.399.836
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông	2.537.514.297	7.511.545.735
Các nhà cung cấp khác	18.030.538.569	23.937.735.550
Cộng	37.759.102.748	100.940.091.720

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	4.052.733.751
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	4.052.733.751
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	16.087.826.411	722.835.334
Văn phòng Điều hành NTT VIETNAM Corporaion tại Bình Dương	11.603.869.920	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong	2.480.098.851	-
Các khách hàng khác	2.003.857.640	722.835.334
Cộng	16.087.826.411	4.775.569.085

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	69.305.293	9.479.445.414	(6.553.026.026)	2.926.419.388	146.827.555
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	13.749.116	(13.749.116)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.659.589	(11.659.589)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.266.128.920	-	12.454.553.052	(14.137.613.952)	5.583.068.020	-
Thuế thu nhập cá nhân	94.297.390	-	1.248.240.020	(1.308.407.805)	34.129.605	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	7.360.426.310	69.305.293	23.215.647.191	(22.032.456.488)	8.543.617.013	146.827.555

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.607.728.778	92.538.742.747
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.481.242.947	8.221.715.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	64.088.971.725	100.760.457.764
Thu nhập được miễn thuế	(2.401.990.000)	(2.882.388.000)
Thu nhập tính thuế	61.686.981.725	97.878.069.764
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.337.396.345	19.575.613.953
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	117.156.707	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.454.553.052	19.575.613.953

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	1.167.368.048	4.230.956.400
Chi phí lãi vay	461.650.474	580.506.163
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	3.798.414.998	6.179.218.097
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.245.546.062	170.000.000
Cộng	<u>7.672.979.582</u>	<u>11.160.680.660</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>729.671.289</i>	<i>5.950.070.000</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Cổ tức phải trả	-	5.948.200.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải trả khác	-	1.870.000
Thường ban điều hành	729.671.289	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.652.520.568</i>	<i>153.659.206.079</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	182.891.200	174.217.200
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.129.111.100	2.186.098.100
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore – Nhận trước tiền chuyển nhượng vốn góp	-	30.000.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore – Nhận tiền chuyển hộ vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	120.000.000.000
Văn phòng Điều hành NTT VIETNAM Corporaion tại Bình Dương	1.172.829.487	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	167.688.781	1.298.890.779
Cộng	<u>7.382.191.857</u>	<u>159.609.276.079</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	46.744.031.988	67.607.888.764
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.000.000.000	-
Cộng	<u>49.744.031.988</u>	<u>67.607.888.764</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	67.607.888.764	62.677.069.024
Số tiền vay phát sinh	94.373.289.095	181.447.845.926
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	3.000.000.000	-
Số tiền vay đã trả	<u>(115.237.145.871)</u>	<u>(176.517.026.186)</u>
Số cuối năm	<u>49.744.031.988</u>	<u>67.607.888.764</u>

20b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.000.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	12.000.000.000	-
Trên 05 năm	676.271.500	-
Cộng	<u>15.676.271.500</u>	<u>-</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	17.926.271.500	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.000.000.000)	-
Số tiền vay đã trả	<u>(2.250.000.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>12.676.271.500</u>	<u>-</u>

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả

21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.166.774.666	3.193.249.910
Tăng do trích lập	1.509.934.308	1.762.033.053
Hoàn nhập dự phòng	(2.168.354.036)	(3.193.249.910)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	327.777.002	404.741.613
Số cuối năm	<u>1.836.131.940</u>	<u>2.166.774.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	857.041.583	468.390.974
Tăng do trích lập	115.676.763	793.392.222
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(327.777.002)	(404.741.613)
Số cuối năm	644.941.344	857.041.583

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.648.156.440	-
Chi quỹ trong năm	(2.379.568.035)	-
Số cuối năm	1.268.588.405	-

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 tiếp tục đề cập đến vấn đề phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như đã đề cập trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 244,85 tỷ VND lên 500 tỷ VND nhằm tái cấu trúc tài chính và bổ sung nguồn vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với đối tác NTT Nhật Bản; đầu tư dự án Data Center thứ 2 và mua lại trụ sở văn phòng của Công ty. Đối tượng phát hành là các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính. Thời gian thực hiện trong năm 2020 – 2021.

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	118.964.000.000	118.964.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	105.886.000.000	105.886.000.000
Cộng	244.850.000.000	244.850.000.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.485.000	24.485.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23d. Phân phối lợi nhuận

Thực hiện Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Công ty đã chia một phần cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông mặc dù Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và năm 2013 bị lỗ do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố khi lập Báo cáo tài chính năm 2014. Trong năm Công ty tiếp tục chia cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 69.152.000 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cổ tức năm 2012 và năm 2013 đã chia cho cổ đông là 33.239.215.800 VND.

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 36.727.500.000	12.242.500.000	24.485.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 21.888.938.638	-	21.888.938.638
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.648.156.440	-	3.648.156.440
• Thù lao Hội đồng quản trị	: 729.631.289	-	729.631.289
• Thưởng Ban điều hành	: 729.631.289	-	729.631.289

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.650,35 USD (số đầu năm là 15.062,05 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	14.708.791.330	24.975.408.959
Doanh thu cung cấp dịch vụ	161.469.857.766	126.780.156.743
Doanh thu hợp đồng xây dựng	77.896.371.303	101.543.856.873
Doanh thu bất động sản	61.058.338.084	-
Cộng	315.133.358.483	253.299.422.575

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	8.554.110.030	9.151.791.751
Cung cấp dịch vụ	4.882.575.606	1.806.335.483
Xây dựng công trình	25.870.855.680	45.589.301.710
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thiết bị	20.078.185	17.050.915
Cung cấp dịch vụ	101.954.414	88.280.036
Xây dựng công trình	-	81.675.075

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Bán thiết bị	238.284.800	259.277.000
Cung cấp dịch vụ	255.472.926	928.347.731
Xây dựng công trình	6.867.022.800	2.825.337.680
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Bán thiết bị	117.362.000	-
Cung cấp dịch vụ	30.900.766	32.457.617
Xây dựng công trình	1.219.860.852	3.248.753.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	1.393.227.455	578.428.361
Cung cấp dịch vụ	558.791.858	1.271.716.536
Xây dựng công trình	4.480.427.187	21.848.466.061
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Bán hàng hóa	1.410.000	1.410.000
Cung cấp dịch vụ	141.714.579	69.461.972
Xây dựng công trình	3.406.589.660	10.023.025.503
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	14.610.000	545.779.000
Cung cấp dịch vụ	400.225.345	470.093.893
Xây dựng công trình	748.856.764	146.766.000
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	54.220.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hoá	110.937.305	14.949.090
Cung cấp dịch vụ	696.221.582	661.049.187
Xây dựng công trình	2.392.504.300	1.230.038.700
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Bán hàng hoá	160.000	-
Cung cấp dịch vụ	155.633.851	32.733.698
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hoá	107.992.000	630.109.700
Cung cấp dịch vụ	798.813.759	970.281.368
Xây dựng công trình	314.286.000	2.770.954.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Bán hàng hoá	760.000	97.357.000
Cung cấp dịch vụ	61.178.337	137.932.019
Xây dựng công trình	252.759.000	196.602.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC		
Cung cấp dịch vụ	-	9.000.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Xây dựng công trình	17.066.128.100	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</i>		
Bán hàng hoá	1.642.500	-
Cung cấp dịch vụ	87.250.155	-
Xây dựng công trình	4.064.608.139	-
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.088.975.930	24.768.076.098
Giá vốn cung cấp dịch vụ	102.580.408.552	85.687.539.880
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	74.274.591.728	101.627.035.783
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	45.088.974.445	-
Cộng	<u><u>234.032.950.655</u></u>	<u><u>212.082.651.761</u></u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	261.172.601	1.031.297.259
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.061.755	16.592.352
Lãi cho vay	1.031.594.749	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.401.990.000	2.882.388.000
Lãi do bán chứng khoán	2.110.597.000	2.201.973.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.573.430	134.501
Cộng	<u><u>5.845.989.535</u></u>	<u><u>6.132.385.612</u></u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.308.845.704	5.199.935.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.707.442	20.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	115.527	637.772
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.819.164.100)	(7.793.835.900)
Chi phí tài chính khác	47.733.603	45.824.121
Cộng	<u><u>1.553.238.176</u></u>	<u><u>(2.547.417.473)</u></u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.056.682.845	6.397.865.973
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	69.577.598	16.597.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.835.560	437.124.000
Chi phí khác	2.913.266.838	2.155.146.544
Cộng	<u><u>11.147.362.841</u></u>	<u><u>9.006.733.675</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.415.322.715	12.365.981.713
Chi phí vật liệu quản lý	322.913.156	376.384.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	408.307.500	366.169.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.368.156.032	1.181.269.798
Chi phí dự phòng	443.128.625	702.815.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.938.118.445	966.483.229
Chi phí khác	3.281.320.487	4.351.700.206
Cộng	<u>21.177.266.960</u>	<u>20.310.804.622</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.168.354.036	3.193.249.910
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	153.464.041
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	68.880.818.182
Thu nhập khác	5.372.290.048	262.418.098
Cộng	<u>7.540.644.084</u>	<u>72.489.950.231</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	-	90.000.000
Ghi nhận lại công nợ đã xóa sổ	-	440.000.000
Chi phí khác	1.444.692	243.086
Cộng	<u>1.444.692</u>	<u>530.243.086</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.153.175.726	72.963.128.794
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.407.659.000)	(3.648.156.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.000.000.000)	(1.459.263.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	44.745.516.726	67.855.709.794
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.485.000	24.485.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.827</u>	<u>2.771</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.681.753.499	83.368.074.374
Chi phí nhân công	52.292.294.694	52.040.068.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.299.989.420	21.833.424.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.391.504.260	47.799.467.375
Chi phí khác	19.856.705.145	27.992.342.312
Cộng	<u>236.522.247.018</u>	<u>233.033.377.574</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ phải trả mua sắm tài sản cố định trị giá 3.296.447.976 VND (số đầu năm là 0 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	14.111.896.651	11.159.216.667
Trên 01 năm đến 05 năm	28.966.417.900	24.457.921.111
Cộng	<u>43.078.314.551</u>	<u>35.617.137.778</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh tiền thưởng ban điều hành với số tiền là 729.671.289 VND (năm trước không phát sinh).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.19a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát/kiểm soát viên*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Huỳnh Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	52.582.860	52.582.860
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	56.777.140	56.777.140
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	79.082.000	60.114.280	379.196.280
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.440.000	53.440.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.440.000	53.440.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	49.417.140	49.417.140
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kiểm soát viên	-	-	42.742.860	42.742.860
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm soát viên	-	-	42.742.860	42.742.860
Các thành viên khác	815.465.000	254.453.115	-	1.069.918.115
Cộng	1.055.465.000	333.535.115	411.257.140	1.800.257.255
Năm trước				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	117.829.596	40.000.000	397.829.596
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	32.000.000	32.000.000
Ông Huỳnh Quang Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kiểm soát viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm soát viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Các thành viên khác	814.800.000	286.748.652	-	1.101.548.652
Cộng	1.054.800.000	404.578.248	232.000.000	1.691.378.248

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định

Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty Cổ phần Dược Enlie
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương
Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex
Công ty Cổ phần SetiaBecamex
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Mối quan hệ

Công ty góp vốn
Công ty góp vốn
Công ty liên kết đến ngày 27 tháng 3 năm 2020
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư (đã không còn là bên liên quan từ tháng 7/2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh V.2b và VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Chia cổ tức	11.896.400.000	5.948.200.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	24.029.064	28.321.191
Cho vay	80.000.000.000	-
Lãi cho vay	1.031.594.749	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	573.160.483	1.100.165.041
Nhận chuyển nhượng bất động sản	-	109.699.193.650
Cổ tức được chia	2.401.990.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Phí dịch vụ	69.534.591	15.727.276
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	178.293.869	127.594.218
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	209.854.284	230.023.496
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	92.027.911	18.404.376
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	353.463.638	635.874.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC		
Mua nguyên vật liệu	-	378.577.410
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	326.322.194	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư	30.000.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.13, V.14 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.


3b. Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Xuân Hạnh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng


Giang Quốc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

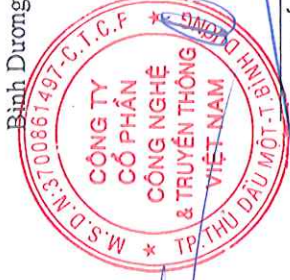
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	(5.628.490.097)	241.586.384.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	72.963.128.794	72.963.128.794
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(12.314.010.000)	(12.314.010.000)
Số dư cuối năm trước	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	55.020.628.697	302.235.502.870
Số dư đầu năm nay	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	55.020.628.697	302.235.502.870
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	48.153.175.726	48.153.175.726
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	21.888.938.638	-	(25.537.095.078)	(3.648.156.440)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(24.554.152.000)	(24.554.152.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.459.262.578)	(1.459.262.578)
Số dư cuối năm nay	244.850.000.000	23.814.527.751	439.285.060	51.623.294.767	320.727.107.578

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Giang Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hạnh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	161.469.857.766	77.896.371.303	61.058.338.084	14.708.791.330	315.133.358.483
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.469.857.766	77.896.371.303	61.058.338.084	14.708.791.330	315.133.358.483
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.889.449.214	3.621.779.575	15.969.363.639	2.619.815.400	81.100.407.828
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(32.324.629.801)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				48.775.778.027	
Doanh thu hoạt động tài chính				5.845.989.535	
Chi phí tài chính				(1.553.238.176)	
Thu nhập khác				7.540.644.084	
Chi phí khác				(1.444.692)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(12.454.553.052)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				48.153.175.726	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20.047.356.212	9.671.255.829	7.580.722.931	1.826.176.002	39.125.510.974
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.977.517.514	8.190.302.675	6.419.891.729	1.546.534.851	33.134.246.769
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	443.128.625	(542.742.965)	-	-	(99.614.340)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	126.780.156.743	101.543.856.873	-	24.975.408.959	253.299.422.575
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.780.156.743	101.543.856.873		24.975.408.959	253.299.422.575
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	41.092.616.863	(83.178.910)	-	207.332.861	41.216.770.814
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(29.317.538.297)	(29.317.538.297)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.899.232.517
Doanh thu hoạt động tài chính					6.132.385.612
Chi phí tài chính					2.547.417.473
Thu nhập khác					72.489.950.231
Chi phí khác					(530.243.086)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.575.613.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					72.963.128.794
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.687.796.748	6.958.442.174	-	1.711.476.638	17.357.715.560
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.562.043.267	10.061.498.237	-	2.474.694.590	25.098.236.094
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	(637.824.635)	-	-	(637.824.635)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.446.170.938	46.878.530.154	64.610.219.205	304.517.534	172.239.437.831
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	313.774.890.107
Tổng tài sản					486.014.327.938
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.342.736.548	16.565.042.055	800.000.000	-	30.707.778.603
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	134.579.441.757
Tổng nợ phải trả					165.287.220.360
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	59.112.103.946	25.824.944.893	-	112.737.496.769	197.674.545.608
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	475.631.385.127
Tổng tài sản					673.305.930.735
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.535.922.084	7.076.550.000	-	-	17.612.472.084
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	353.457.955.781
Tổng nợ phải trả					371.070.427.865

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Hạnh
Người lập

NGUYỄN VĂN PHÚC
KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN XUÂN HẠNH
NGƯỜI LẬP